

**TÒA ÁN NH DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST

Ngày: 11 - 01 - 2023

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Thẩm phán: Phạm Thị Thúy Quỳnh

Hội thẩm Nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Thư ký, Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 185/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2022/QĐXXST-HS ngày 07/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2022/HSST-QĐ ngày 28/12/2022 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thị V**; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 02 năm 1988 tại huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKTTT: xóm Liên Minh, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Khu Phòng trọ thuộc số 75 đường Phụng Hoàng, khối Phụng Hoàng, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thổ; tôn giáo: Không; T3 độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963 và con bà: Lê Thị N, sinh năm 1965; anh chị em ruột có 06 người (bị can con thứ 3); có chồng: Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 và có 01 con 09 tuổi; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An từ ngày 01/11/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị V: Luật sư Nguyễn Thị T – Văn phòng luật sư T Nguyễn - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An – có mặt.

Người bị hại:

- Chị Phan Thị Hồng C, sinh năm 1979, vắng mặt

Nơi cư trú: Khố Tân Tiến, phường LM, thành phố V, Nghệ An,

- Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1982, có mặt

Nơi cư trú: Khối 2, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chị Đinh Thị L, sinh năm 1974, vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 17, phường HB, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chị Chu Thị T1, sinh năm 1989 - vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 75 đường Phụng Hoàng, khối Phụng Hoàng, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chị Trương Thị G, sinh năm 1993, vắng mặt

Nơi cư trú: Số 75 đường Phụng Hoàng, khối Phụng Hoàng, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Anh Dương Đ Nh, sinh năm 1980, vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 8, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

- Anh Hoàng Mai T2 sinh năm 1982, vắng mặt

Nơi cư trú: Khối 4, phường QB, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người có quyền lợi N2 vụ liên quan:

- Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; có mặt

Nơi cư trú: Xóm Liên Minh, xã TL, TC, Nghệ An

- Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1992, có mặt

Nơi cư trú: Xóm Ngọc Lam, xã NL, huyện NĐ, Nghệ An

- Nguyễn Văn T4, sinh năm 1991, có mặt

Nơi cư trú: Xóm 2, xã Trung Sơn, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An

- Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991, có mặt

Nơi cư trú: Xóm Liên Minh, xã TL, TC, Nghệ An

- Hoàng Trọng N2, sinh năm 1994, vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm Mẫu Đơn, xã HL, thành phố V, Nghệ An

- Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986, có mặt

Nơi cư trú: Xóm Ngọc Lam, xã NL, huyện NĐ, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2019, Nguyễn Thị V tham gia đầu tư tiền vào các sàn giao dịch tiền ảo trên mạng Internet bị thua lỗ, nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng dịch vụ chuyển tiền qua tài khoản cho khách hàng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 8 năm 2021, Nguyễn Thị V đã tiếp cận các bị hại, đưa ra thông tin rằng V có mối quan hệ quen biết nhiều khách hàng làm kinh doanh xe máy, ô tô cũ hoặc vận chuyển hàng hóa... có nhu cầu chuyển tiền lớn; V sử dụng 12 tài khoản ngân hàng của bản thân, của người thân, bạn bè, lừa dối các bị hại là tài khoản của khách hàng kinh doanh, buôn bán, để các bị hại tin tưởng giao tiền cho V làm dịch vụ chuyển tiền cho khách. V thỏa thuận với các bị hại được trả phí dịch vụ số tiền

chuyển đi là 3.000 đồng/1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, V sẽ chuyển trả một phần tiền gốc và tiền phí dịch vụ để tạo niềm tin đối với các bị hại, số tiền còn lại Nguyễn Thị V trả nợ và tiếp tục đầu tư tiền ảo nhưng vẫn bị thua lỗ mất khả năng thanh toán. Nguyễn Thị V đã thực hiện 07 hành vi lừa đảo chiếm đoạt 10.963.376.483 đồng (mười tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm tám ba đồng) của 07 bị hại. Cụ thể như sau:

* *Hành vi thứ nhất:* Lợi dụng mối quan hệ bạn bè làm việc cùng Công ty với chị Phan Thị Hồng C, nên khoảng tháng 6 năm 2019, Nguyễn Thị V đưa ra thông tin gian dối rằng có quen biết nhiều khách hàng làm kinh doanh xe máy, ô tô cũ hoặc vận chuyển hàng hóa....có nhu cầu chuyển tiền lớn, thuyết phục chị C giao tiền cho V làm dịch vụ chuyển tiền cho khách với thỏa thuận hưởng phí dịch vụ là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền chuyển đi.

Thời gian đầu, sau khi nhận tiền V trả lại tiền gốc và tiền phí đúng theo thỏa thuận, khi chị C đã bắt đầu tin tưởng thì V đưa ra nhiều lý do như khách hàng chưa trả lại tiền đủ hoặc vừa nhận lại tiền gốc thì khách hàng khác lại có yêu cầu chuyển tiếp nên đã chuyển tiền luôn cho khách ... nhằm mục đích để giữ lại dần tiền gốc. Thực tế, V đã sử dụng số tiền gốc của chị C giao cho để chi trả xoay vòng cho nhiều người khác và đầu tư vào mua bán tiền ảo trên mạng nhưng vẫn tiếp tục thua lỗ. Việc giao nhận tiền diễn ra bằng hình thức giao, nhận tiền mặt và chuyển vào nhiều tài khoản ngân hàng. Đối với giao dịch tiền mặt thì V và chị C không nhớ cụ thể, chi tiết về thời gian các lần giao dịch, số tiền giao dịch.

Khoảng tháng 6 năm 2021, chị C yêu cầu V trả lại một phần tiền gốc nhưng Nguyễn Thị V không còn khả năng chi trả, V đã thừa nhận việc lừa chị C lấy tiền để đầu tư vào tiền ảo nhưng bị thua lỗ hết. Chị Phan Thị Hồng C và Nguyễn Thị V đã tính toán, thống nhất từ tháng 6 năm 2019 đến ngày 15/6/2021 chị C đã chuyển vào tài khoản cho V số tiền 4.960.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu V viết một "giấy vay tiền" với nội dung Nguyễn Thị V vay của chị Nguyễn Thị Hồng C số tiền nêu trên. Sau đó, V chuyển nhượng thửa đất ở tại khối 3, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An cho chị C với giá trị 500.000.000 đồng để trừ vào tiền nợ và nhiều lần (mỗi lần 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng) V đã trả 70.000.000 đồng cho chị C.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị V đã chiếm đoạt của chị Phan Thị Hồng C là 4.960.000.000 đồng, V đã khắc phục 570.000.000 đồng. Nay chị C tiếp tục yêu cầu V phải khắc phục số tiền còn lại là 4.390.000.000 đồng. (Bút lục số: 186 đến 194; 269 đến 272; 286 đến 289)

* *Hành vi thứ hai:* Thông qua mối quan hệ quen biết, mua bán sim thẻ điện thoại nên khoảng tháng 8 năm 2019, Nguyễn Thị V nảy sinh ý định lừa chiếm đoạt tiền của chị Trần Thị Ch. Khi gặp chị Ch, V giới thiệu bản thân làm dịch vụ chuyển tiền và có quen biết nhiều khách hàng có nhu cầu chuyển tiền lớn. Tuy

nhiên, tài khoản ngân hàng không đáp ứng hạn mức được yêu cầu của khách và đề nghị chị Ch chuyển tiền cho V để làm dịch vụ và thỏa thuận phí dịch vụ là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền chuyển đi. Vì có quen biết, mua bán sim thẻ điện thoại với V nên chị Ch tin tưởng, đồng ý.

Trong thời gian đầu, V chuyển trả lại đầy đủ cả gốc và tiền phí dịch vụ để chị Ch tin V có giao dịch với khách hàng. Sau một khoảng thời gian khi chị Ch đã bắt đầu tin tưởng, V đưa ra nhiều lý do tương tự như đối với chị Phan Thị Hồng C rồi thuyết phục chị Ch cho giữ lại tiền gốc với lý do để chủ động giao dịch với khách hàng, nhưng thực tế V đã dùng tiền của chị Ch để chi trả xoay vòng và đầu tư vào sản phẩm ảo.

Trong thời gian từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 8 năm 2021. Việc giao, nhận tiền diễn ra bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Trong đó: Chị Trần Thị Ch sử dụng các tài khoản ngân hàng: Techcombank số 19032848273015; MB số 8110101565008 đã chuyển nhiều lần với tổng số 60.367.593.100 đồng (sáu mươi tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn một trăm đồng) vào các tài khoản ngân hàng do Nguyễn Thị V sử dụng gồm: Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013, MB số 0050191689999, Vietcombank số 0101000817547 đều mang tên Nguyễn Thị V; Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0101001132697 mang tên Nguyễn Văn C.

Nguyễn Thị V đã chuyển trả lại cho chị Trần Thị Ch tổng số tiền 59.428.788.000 đồng (năm mươi chín tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng) từ các tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013; Tài khoản ngân hàng MB số 0050191689999; Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0101000817547 và Tài khoản ngân hàng MB số 8906666686868 đều mang tên Nguyễn Thị V.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị V đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Ch là 938.805.100 đồng (chín trăm ba mươi tám triệu tám trăm lẻ năm nghìn một trăm đồng). Đến nay chưa khắc phục hậu quả, chị Ch yêu cầu V khắc phục số tiền 938.805.100 đồng nêu trên. (Bút lục số: 139 đến 186; 271, 272; 289, 290; 303 đến 407; 1124 đến 1824; 1862 đến 1988)

* *Hành vi thứ ba:* Thông qua mối quan hệ quen biết, mua bán sim thẻ điện thoại nên khoảng tháng 9 năm 2020, Nguyễn Thị V nảy sinh ý định lừa chiếm đoạt tiền của chị Đinh Thị L. Khi gặp chị L, V giới thiệu bản thân làm dịch vụ chuyển tiền và có quen biết nhiều khách hàng có nhu cầu chuyển tiền lớn. Để chị L tin tưởng, V đã sử dụng nhiều tài khoản ngân hàng đăng ký tên của người thân, bạn bè của V và giới thiệu rằng đó là tài khoản của các khách hàng kinh doanh, buôn bán gồm:

Tài khoản ngân hàng MB số 0180181219999 mang tên Nguyễn Văn C (chồng của V), V giới thiệu đây là tài khoản của người làm kinh doanh nội thất ô tô.

Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0101001095432 mang tên Nguyễn Tiến T3 (em trai của V), V giới thiệu đây là tài khoản của người làm kinh doanh hàng sỉ chợ.

Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035951893012 mang tên Nguyễn Văn T4 (bạn của Nguyễn Văn C), V giới thiệu đây là tài khoản của người làm quảng cáo và thi công các công T3.

Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036434888013 mang tên Nguyễn Văn Đ (em trai của chồng V), V giới thiệu đây là tài khoản của người làm kinh doanh các loại máy móc đất tiền.

Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034934484013 mang tên Hoàng Trọng N2 (bạn đồng nghiệp cũ của V), V giới thiệu đây là tài khoản của người làm kinh doanh xe máy cũ và ô tô cũ.

Tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000637725 mang tên Nguyễn Thị T1 (chị gái của V), V giới thiệu đây là tài khoản của người tên Hải, bạn của anh C cũng là người làm kinh doanh bán các loại phụ kiện ô tô si và lẻ.

Trong thời gian từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 8 năm 2021, Việc giao nhận tiền diễn ra dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng, trong đó: Chị Đinh Thị L sử dụng tài khoản ngân hàng Hàng hải Việt Nam MSB số 22088012333336; Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036600749019; Tài khoản ngân hàng MB số 6990188688699 đều mang tên Đinh Thị L chuyển khoản tổng số tiền 431.000.148.000 đồng (bốn trăm ba mươi tỷ một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) vào các tài khoản ngân hàng do Nguyễn Thị V yêu cầu gồm: Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034934484013 mang tên Hoàng Trọng N2; Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013 mang tên Nguyễn Thị V; Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 101001095432 mang tên Nguyễn Tiến T3; Tài khoản ngân hàng MB số 180181219999 mang tên Nguyễn Văn C; Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036434888013 mang tên Nguyễn Văn Đ, Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035951893012 mang tên Nguyễn Văn T4, Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035607904013 mang tên Nguyễn Văn C và Tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000637725 mang tên Nguyễn Thị T1.

Quá T3 kiểm tra, rà soát giao dịch chuyển đi của tài khoản Techcombank 19036600749019 của chị Đinh Thị L có một số giao dịch không ghi rõ cụ thể tài khoản ngân hàng đối ứng mà chỉ ghi "Ngân hàng đối tác số 888899912020". Căn cứ kết quả rà soát, đối chiếu tổng thể tất cả các tài khoản có liên quan đến vụ án, xác định các giao dịch có ghi đối ứng như trên là chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 101001095432 Nguyễn Tiến T3; tài khoản ngân hàng MB số 180181219999 Nguyễn Văn C và tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000637725 Nguyễn Thị T1.

Nguyễn Thị V đã chuyển trả lại cho chị Đinh Thị L tổng số tiền 426.559.363.617 đồng (bốn trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm mười bảy đồng) từ các tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013; Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0101000817547; Tài khoản ngân hàng MB số 0050191689999; Tài khoản ngân hàng MB số 8906666686868 đều mang tên Nguyễn Thị V; Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036434888013 mang tên Nguyễn Văn Đ; Tài khoản ngân hàng Techcombank 950 1953 và Tài khoản ngân hàng MB số 180181219999 đều mang tên Nguyễn Văn C;

Quá T3 kiểm tra tài liệu sao kê tài các khoản của ngân hàng MB số 8906666686868, số 0050191689999 mang tên Nguyễn Thị V; tài khoản MB số 180181219999 mang mang tên Nguyễn Văn C; tài khoản ngân hàng MSB số 22088012333336 mang tên Đinh Thị L không ghi cụ thể tài khoản đối ứng đối với các giao dịch chuyển khoản đi. Căn cứ kết quả soát, đối chiếu tổng thể tất cả các sao kê tài khoản, tài liệu thu thập được và kết quả làm việc với bị hại Đinh Thị L xác định Nguyễn Thị V sử dụng nhiều tài khoản ngân hàng trong đó có tài khoản MB số 8906666686868; số 0050191689999 của V và tài khoản MB số 180181219999 mang tên Nguyễn Văn C để chuyển trả tiền cho chị Đinh Thị L.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị V đã chiếm đoạt của chị Đinh Thị L là 4.449.784.383 đồng (bốn tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng). Đến nay chưa khắc phục hậu quả, chị L yêu cầu V khắc phục số tiền 4.449.784.383 đồng nêu trên (Bút lục số: 41 đến 137; 270 đến 273; 290 đến 292; 408 đến 540; 545 đến 1113; 1197 đến 2755)

** Hành vi thứ tư:* Thông qua mối quan hệ quen biết, hàng xóm ở cùng dãy trọ nên khoảng tháng 5 năm 2021, Nguyễn Thị V nảy sinh ý định lừa chiếm đoạt tiền của chị Chu Thị T1. V tiếp tục dùng thủ đoạn giới thiệu bản thân làm nghề chuyển tiền lấy phí dịch vụ như trên để thuyết phục chị T1 và chị G chuyển tiền cho V.

Trong thời gian từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 8 năm 2021, chị Chu Thị T1 sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank số 107002156611 chuyển khoản tổng số tiền 16.171.200.000 đồng (mười sáu tỷ một trăm bảy mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) vào các tài khoản ngân hàng do Nguyễn Thị V yêu cầu gồm: Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013, Tài khoản ngân hàng MB số 8906666686868 đều mang tên Nguyễn Thị V.

Nguyễn Thị V đã chuyển trả lại tổng số tiền 15.716.617.000 đồng (mười lăm tỷ bảy trăm mười sáu triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng) cho chị Chu Thị T1 từ các tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản ngân hàng MB số 8906666686868, Tài khoản ngân hàng MB số 0050191689999 đều mang tên Nguyễn Thị V; Tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036434888013 mang

tên Nguyễn Văn Đ; Tài khoản ngân hàng MB số 180181219999 mang tên Nguyễn Văn C.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị V đã chiếm đoạt của chị Chu Thị T1 là 454.583.000 đồng (bốn trăm năm mươi tư triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng). Đến nay chưa khắc phục hậu quả, chị T1 yêu cầu V khắc phục số tiền 454.583.000 đồng nêu trên. (Bút lục số: 195 đến 239; 275, 293 đến 295; 2194 đến 2198; 2206 đến 2591)

** Hành vi thứ năm:* Đối với chị Trương Thị G, trong thời gian từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 8 năm 2021, chị G đã sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank số 103869357346 mang tên Trương Thị G để chuyển, nhận tiền với Nguyễn Thị V.

Từ ngày 02/6/2021 đến hết ngày 02/8/2021, Nguyễn Thị V nhận và trả tiền gốc, tiền phí như thỏa thuận đầy đủ cho chị G.

Từ ngày 03/8/2021, chị G chuyển khoản 35.009.900 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm lẻ chín nghìn chín trăm đồng) đến tài khoản ngân hàng MB số 0050191689999 mang tên Nguyễn Thị V theo yêu cầu của V.

Ngày 06/8/2021, Nguyễn Thị V sử dụng tài khoản ngân hàng MB số 0050191689999 chuyển trả 420.000 đồng (bốn trăm hai mươi nghìn đồng); ngày 09/8/2021, V sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013 chuyển trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho chị Trương Thị G. Ngoài ra, chị Trương Thị G và Nguyễn Thị V xác nhận V đã trực tiếp trả 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền mặt cho chị G (cả hai không nhớ cụ thể ngày tháng).

Như vậy, Nguyễn Thị V đã chiếm đoạt của chị Trương Thị G tổng số tiền là 27.580.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Đến nay chưa khắc phục hậu quả, chị G yêu cầu V khắc phục số tiền 27.580.000 đồng nêu trên. (Bút lục số: 240 đến 249; 280 đến 297; 2072 đến 2198;)

** Hành vi thứ sáu:* Để có tiền trả nợ, lợi dụng việc đăng ký làm điểm bán dịch vụ Viettel, Nguyễn Thị V đã sử dụng chứng minh Nh dân (CMND) của chồng là Nguyễn Văn C và em trai là Nguyễn Tiến T3 đăng ký dịch vụ Viettel. Sau đó, thông qua mối quan hệ quen biết, V đã trao đổi với anh Dương Đ Nh, sinh năm 1980 trú tại khối 8, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An và anh Hoàng Mai T2 sinh năm 1982, trú tại khối 4, phường QB, thành phố V, tỉnh Nghệ An (đều là Nh viên của công ty Viettel quản lý các điểm bán dịch vụ do V đăng ký) chuyển tiền cho mình làm dịch vụ. Tin tưởng V làm dịch vụ chuyển tiền nên anh Nh và anh T2 đã đồng ý.

Từ ngày 01/8/2021 đến ngày 05/8/2021, anh Nh đã chuyển tiền vào tài khoản điểm bán Viettel đăng ký theo CMND của Nguyễn Văn C (điểm bán này do V sử dụng) tổng số tiền 453.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu đồng). Sau đó, Nguyễn Thị V sử dụng các tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013 và tài khoản ngân hàng MB số 0050191689999 đều mang tên

Nguyễn Thị V chuyển trả lại vào tài khoản BIDV 51010000086788 của anh Dương Đ Nh tổng số tiền 377.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Ngoài ra, anh Dương Đ Nh và Nguyễn Thị V xác nhận vào tháng 7 năm 2021 (không nhớ ngày cụ thể), có lần V chuyển nhầm số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) cho anh Nh và anh Nh vẫn chưa trả lại.

Như vậy, Nguyễn Thị V đã chiếm đoạt của anh Dương Đ Nh tổng số tiền 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng). Đến nay, V khắc phục hậu quả 29.000.000 đồng. Anh Nh tiếp tục yêu cầu V khắc phục số tiền còn lại 47.000.000 đồng nêu trên. (Bút lục số: 250 đến 259; 296, 297; 408 đến 428; 2073 đến 2141)

* *Hành vi thứ bảy*: Đối với anh Hoàng Mai T2, cũng trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2021 đến ngày 05/8/2021, anh T2 đã chuyển tiền vào tài khoản điểm bán Viettel đăng ký theo CMND của Nguyễn Tiến T3 (điểm bán này do V sử dụng) tổng số tiền 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng). Sau đó, Nguyễn Thị V sử dụng các tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034617447013 và tài khoản ngân hàng MB số 0050191689999 mang tên Nguyễn Thị V chuyển trả lại vào tài khoản MB số 9990102796007 của anh Hoàng Mai T2 tổng số tiền 258.376.000 đồng (hai trăm năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, anh Hoàng Mai T2 và Nguyễn Thị V xác nhận vào ngày 02/8/2021, V có mua sim thẻ từ anh T2 hết tổng số tiền 3.000.000 đồng nhưng không thanh toán. Xét thấy đây là thỏa thuận của hai bên thuộc giao dịch dân sự không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị V trong vụ án này.

Như vậy, Nguyễn Thị V đã chiếm đoạt của anh Hoàng Mai T2 tổng số tiền 56.624.000 đồng (năm mươi tư triệu sáu trăm hai mươi tư nghìn đồng). Đến nay, chưa khắc phục hậu quả. Anh T2 yêu cầu V khắc phục số tiền 2141) 56.624.000 đồng nêu trên. (Bút lục số: 260 đến 268; 275; 296 đến 279a; 2073)

Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, Nguyễn Thị V đã sử dụng toàn bộ vào việc đầu tư tiền ảo, chi trả xoay vòng tiền gốc và trả tiền dịch vụ.

Ngày 04/8/2021, lo sợ các chủ nợ đòi tiền nên Nguyễn Thị V đã tắt liên lạc, bỏ đi khỏi phòng trọ thuộc số 75 đường Phụng Hoàng, khối Phụng Hoàng, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ngày 01/11/2021, Nguyễn Thị V đến tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 212/CT-VKS-P2 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Bị cáo thực hiện đầy đủ các quyền và N2 vụ của mình theo quy định của pháp luật; một số người bị hại, người có quyền lợi N2 vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ, phiên tòa mở lần thứ 2. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các T3 tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị V 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Các tài liệu, giấy tờ liên quan do bị hại, người có quyền lợi N2 vụ liên quan giao nộp được lưu vào hồ sơ vụ án.

- 07 (bảy) thẻ ngân hàng là vật chứng vụ án các chủ sử dụng không có yêu cầu nhận lại cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải bồi thường cho người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Phan Thị Hồng C 4.390.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Trần Thị Ch 938.805.100 đồng.
- Bồi thường cho chị Đinh Thị L 4.449.784.383 đồng.
- Bồi thường cho chị Chu Thị T1 454.583.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Trương Thị G 27.580.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Dương Đ Nh 47.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh Hoàng Mai T2 56.624.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị V T3 bày: Thống nhất về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố. Trong quá T3 điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và cũng là nạn nhân trong vụ việc đầu tư tiền ảo qua mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo thống nhất lời bào chữa không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Nghệ An, Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Nghệ An; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá T3 điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N2 vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng được ban hành đúng quy định, đúng thẩm quyền.

[2] Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do cần tiền tiêu xài, đầu tư tiền ảo và trả nợ cá Nh, Nguyễn Thị V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, nên trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 8 năm 2021, Nguyễn Thị V đưa ra thông tin gian dối rằng V có mối quan hệ quen biết nhiều khách hàng làm kinh doanh xe máy, ô tô cũ hoặc vận chuyển hàng hóa... có nhu cầu chuyển tiền lớn nên làm dịch vụ chuyển tiền có trả phí dịch vụ. Nguyễn Thị V đã sử dụng 12 tài khoản ngân hàng gồm của bản thân, của người thân, bạn bè để lừa đảo 07 bị hại chiếm đoạt 10.963.376.483 đồng gồm của chị Phan Thị Hồng C 4.960.000.000 đồng; của chị Trần Thị Ch 938.805.100 đồng; của chị Đinh Thị L 4.449.784.383 đồng; của chị Chu Thị T1 454.583.000 đồng; của chị Trương Thị G 27.580.000 đồng; của anh Dương Đ Nh 76.000.000 đồng và của anh Hoàng Mai T2 56.624.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy phải xử mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Nhưng xét, quá T3 điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị V có Th độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả, bị cáo tự ra đầu thú. Vì vậy, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[5] Trong vụ án này, các đối tượng Nguyễn Văn C, Nguyễn Tiến T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn Đ, Hoàng Trọng N2 và Nguyễn Thị T1 là những người mà bị cáo Nguyễn Thị V đã sử dụng thông tin cá nhân và số tài khoản để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với Nguyễn Văn C, sinh năm 1985, trú tại xóm Liên Minh, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An là người đăng ký các tài khoản ngân hàng Vietcombank 0101001132697; tài khoản Techcombank số 19035607904013; tài khoản MB số 180181219999. Quá T3 điều tra xác định, do mối quan hệ vợ chồng nên C để cho Nguyễn Thị V dùng giấy tờ tùy thân của mình đăng ký điểm bán Viettel và sử dụng các tài khoản ngân hàng trên. Nhưng C không biết, không hưởng lợi, không tham gia việc chuyển, nhận tiền với các bị hại và Nguyễn Thị V. Do vậy, Nguyễn Văn C không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1992 trú tại xóm Ngọc Lam, xã NL, huyện ND, tỉnh Nghệ An là người đăng ký tài khoản ngân hàng Vietcombank số 101001095432. Quá T3 điều tra xác định, do mối quan hệ chị em ruột nên T3 đồng ý cho Nguyễn Thị V nhờ tài khoản này để nhận tiền. Đối với khoản tiền bị hại chuyển đến Nguyễn Tiến T3 đều chuyển vào tài khoản ngân hàng hoặc rút tiền mặt giao lại theo yêu cầu của Nguyễn Thị V. Nguyễn Tiến T3 không biết việc V nhờ sử dụng tài khoản ngân hàng của mình hoặc sử dụng giấy tờ tùy thân của mình để đăng ký điểm bán Viettel để nhận, chuyển mục đích là để chiếm đoạt tiền của các bị hại, T3 không nhận được lợi ích gì từ việc này. Do vậy, Nguyễn Tiến T3 không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Văn T4 sinh năm 1991 trú tại xóm 2, xã Trung Sơn, huyện DL, tỉnh Nghệ An là người đăng ký tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035951893012. Quá T3 điều tra xác định, do mối quan hệ quen biết với Nguyễn Văn C (chồng của V) nên T4 đồng ý cho V nhờ tài khoản này để nhận tiền trong thời gian từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020. Do quá T3 nhận, chuyển tiền ảnh hưởng tới công việc nên từ tháng 01 năm 2020, T4 giao tài khoản ngân hàng trên cho V tự sử dụng. Kết quả rà soát kiểm tra tài khoản xác định từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, sau khi nhận được tiền từ bị hại chuyển đến, T4 đều chuyển lại toàn bộ vào các tài khoản của Nguyễn Thị V hoặc chuyển trả lại vào tài khoản của bị hại theo yêu cầu của Nguyễn Thị V, thời gian sau đó toàn bộ các giao dịch là do Nguyễn Thị V tự mình thực hiện, T4 không tham gia thực hiện giao dịch nào và không biết việc V nhờ sử dụng tài khoản ngân hàng của mình nhận, chuyển tiền mục đích là để chiếm đoạt tiền của bị hại, T4 không nhận được lợi ích gì từ việc này. Do vậy, Nguyễn Văn T4 không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991, trú tại xóm Liên Minh, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An là người đăng ký tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036434888013. Quá T3 điều tra xác định, do mối quan hệ là em chồng và chị

dâu nên sau khi đăng ký tài khoản thì Nguyễn Văn Đ đồng ý giao cho V tự sử dụng tài khoản ngân hàng này từ tháng 10 năm 2020. Đ không tham gia thực hiện giao dịch nào và không biết việc V dùng tài khoản ngân hàng của mình để chiếm đoạt tiền của bị hại, Đ không nhận được lợi ích gì từ việc này. Do vậy, Nguyễn Văn Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Hoàng Trọng N2, sinh năm 1994, trú tại xóm Mẫu Đơn, xã HL, thành phố V, tỉnh Nghệ An là người đăng ký tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034934484013. Quá T3 điều tra xác định, do mối quan hệ đồng nghiệp cũ nên Hoàng Trọng N2 đồng ý cho Nguyễn Thị V nhờ tài khoản này để nhận tiền. Đối với khoản tiền bị hại chuyển đến thì Hoàng Trọng N2 đều chuyển vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thị V trực tiếp sử dụng. Hoàng Trọng N2 không biết việc V nhờ sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để chiếm đoạt tiền của bị hại, N2 không nhận được lợi ích gì từ việc này. Do vậy, Hoàng Trọng N2 không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986, trú tại xóm Ngọc Lam, xã NL, huyện ND, tỉnh Nghệ An là người đăng ký tài khoản ngân hàng BIDV số 51310000637725. Quá T3 điều tra xác định, do mối quan hệ chị em ruột với Nguyễn Thị V nên sau khi đăng ký tài khoản thì Nguyễn Thị T1 giao cho V tự sử dụng tài khoản ngân hàng này từ tháng 4 năm 2021. T1 không tham gia thực hiện giao dịch nào và không biết việc V dùng tài khoản ngân hàng của mình để chiếm đoạt tiền của bị hại, T1 không nhận được lợi ích gì từ việc này. Do vậy, Nguyễn Thị T1 không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[6] Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Các tài liệu, giấy tờ liên quan do bị hại, người có quyền lợi N2 vụ liên quan giao nộp được lưu vào hồ sơ vụ án.

- 07 (bảy) thẻ ngân hàng gồm: Thẻ ngân hàng MB ghi số 9704222098054901 mang tên NGUYEN THI VAN; thẻ ngân hàng MB ghi số 9704222088034145 mang tên NGUYEN VAN CUONG; thẻ ngân hàng MB số 40890441001615533 mang tên NGUYEN VAN CUONG; thẻ ngân hàng Techcombank ghi số 4221508660510410 mang tên NGUYEN VAN DUC; thẻ ngân hàng BIDV ghi số 9704180000016511909 mang tên NGUYEN THI TAM; thẻ ngân hàng Techcombank ghi số 9704079979170176 mang tên NGUYEN VAN TRUONG; thẻ ngân hàng Techcombank ghi số 4221508660588994 mang tên HOANG TRONG NGHIA. (Bút lục số: 539 đến 542)

Các thẻ ngân hàng này chủ sở hữu không có yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị V tù Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 01/11/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải bồi thường cho người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Phan Thị Hồng C 4.960.000.000 đồng. Được trừ đã bồi thường 570.000.000 đồng. Còn phải bồi thường 4.390.000.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Trần Thị Ch 938.805.100 đồng.

- Bồi thường cho chị Đinh Thị L 4.449.784.383 đồng.

- Bồi thường cho chị Chu Thị T1 454.583.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Trương Thị G 27.580.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Dương Đ Nh 76.000.000 đồng. Được trừ đã bồi thường 29.000.000 đồng. Còn phải bồi thường 47.000.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Hoàng Mai T2 56.624.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

T4 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Các tài liệu, giấy tờ liên quan do bị hại, người có quyền lợi N2 vụ liên quan giao nộp được lưu vào hồ sơ vụ án.

Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) thẻ ngân hàng gồm: Thẻ ngân hàng MB ghi số 9704222098054901 mang tên NGUYEN THI VAN; thẻ ngân hàng MB ghi số 9704222088034145 mang tên NGUYEN VAN CUONG; thẻ ngân hàng MB số 40890441001615533 mang tên NGUYEN VAN CUONG; thẻ ngân hàng Techcombank ghi số 4221508660510410 mang tên NGUYEN VAN DUC; thẻ ngân hàng BIDV ghi số 9704180000016511909 mang tên NGUYEN THI TAM;

thẻ ngân hàng Techcombank ghi số 9704079979170176 mang tên NGUYEN VAN TRUONG; thẻ ngân hàng Techcombank ghi số 4221508660588994 mang tên HOANG TRONG NGHIA.

(Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, có đặc điểm được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An với Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 118.364.000 đồng án phí Dân sự.

6. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N2 vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi N2 vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi gửi:

- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi N2 vụ liên quan
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã TL, H. TC;
- Lưu Tòa HS, HS vụ án, VP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Anh Sơn